

**Ống nhựa**  
**PUN-V0-10X1,5-SW**  
Số bộ phận: 525440

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                        | Giá trị                                                               |
|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| Ø ngoài                                         | 10 mm                                                                 |
| bán kính uốn liên quan đến dòng chảy            | 54 mm                                                                 |
| Ø trong                                         | 7 mm                                                                  |
| Bán kính uốn tối thiểu                          | 20 mm                                                                 |
| Đặc tính ống                                    | thích hợp cho măng xích                                               |
| Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh | -0.095 MPA...0.7 MPA<br>-0.95 bar...7 bar<br>-13.775 psi...101.5 psi  |
| Áp suất vận hành phụ thuộc vào nhiệt độ         | -0.095 MPA...1 MPA<br>-0.95 bar...10 bar<br>-13.775 psi...145 psi     |
| Lưu ý về áp suất vận hành                       | Nước: tối đa 0,6 MPA ở tối đa 50 °C                                   |
| Giấy phép                                       | TÜV                                                                   |
| Cơ quan cấp chứng chỉ                           | B 013277 0527 00                                                      |
| Môi chất vận hành                               | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-]<br>Nước (chất lỏng, không có đá) |
| Kiểm tra độ cháy vật liệu                       | UL94 V-0 (3mm)<br>UL94 V-2 (0,75mm)                                   |
| Tuân thủ LABS                                   | VDMA24364-B2-L                                                        |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                  | -35 °C...60 °C                                                        |
| Lưu ý về nhiệt độ môi trường                    | sử dụng không áp lực lên đến 90 °C                                    |
| Trọng lượng sản phẩm theo chiều dài             | 0.051 kg/m                                                            |
| Cổng nối khí nén                                | cho cổng nối cắm bên ngoài Ø 10 mm                                    |
| Màu sắc                                         | màu đen                                                               |
| Lưu ý về màu sắc                                | do chống cháy sai lệch so với màu tiêu chuẩn                          |
| Độ cứng Shore                                   | D 54 +/-3                                                             |
| Ghi chú vật liệu                                | Tuân thủ RoHS                                                         |
| Vật liệu ống                                    | TPE-U(PU)                                                             |